

Bản án số: 169/2019/DS-ST
Ngày 26 – 11 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn An

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 335/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Thông báo dời thời gian xét xử số: 246/TB-TA ngày 21 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tòa nhà C, Phường C1, Quận H, TP. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hoàng Th - Chuyên viên - Thuộc Phòng Khách hàng - Ngân hàng TMCP B - chi nhánh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Phú T, sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Phú T3; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Phạm Phú H; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Chị Trương Mỹ Hi; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B – chi nhánh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), lời trình bày tại phiên tòa của ông Mai Hoàng Th thể hiện:*

Vào ngày 04/7/2018 ông Phạm Phú T và bà Đinh Thị L có đề nghị vay tiền tại Ngân hàng, đến ngày 12/7/2018 ông T, bà L ký Hợp đồng số HDTD93020180449 và khế ước nhận nợ số 93020180449/01 ngày 12/7/2018 với Ngân hàng vay số tiền 400.000.000 đồng để bổ sung vốn nuôi tôm với thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất tiền vay: 10%/năm, lãi phạt quá hạn: 150% lãi suất trong hạn và hình thức trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc vào cuối kỳ.

Khi vay ông T, bà L đã thế chấp T sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số C 149902 do UBND huyện Đầm Dơi cấp cho ông Phạm Phú T vào ngày 10/5/1994 để đảm bảo khoản nợ vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà L đã trả lãi được đến ngày 12/7/2019 thì không thực hiện tiếp việc trả vốn và lãi cho Ngân hàng theo nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại thời điểm hết thời hạn trả vốn, lãi theo hợp đồng thì số vốn vay thuộc T khoản nhóm 2, lúc này số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng; hết thời hạn trên ông T, bà L không trả vốn, lãi nên trên hệ thống của ngân hàng tự động chuyển qua T khoản thuộc nhóm 3, hệ thống sẽ tự động đối trừ số tiền còn lại trên T khoản thì số vốn vay của ông T, bà L còn lại là 399.999.987 đồng.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả số tiền vốn 399.999.987 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 27.341.779 đồng (tổng cộng là 427.341.766 đồng) và số tiền lãi theo hợp đồng phát sinh kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp, ông T, bà L không thanh toán hết nợ hoặc không thanh toán đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi T sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi T sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì yêu cầu ông T, bà L tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong khoản nợ.

** Đối với ông Phạm Phú T, bà Đinh Thị L, anh Phạm Phú T, anh Phạm Phú H và chị Trương Mỹ Hi: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.*

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng, buộc ông T, bà L trả cho Ngân hàng tiền vốn, lãi đến ngày 25/11/2019 là 427.341.766 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi thanh toán xong theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông T, bà L không thực hiện thì Ngân hàng có quyền xử lý T sản theo hợp đồng thế chấp T sản; nếu T sản thế chấp không đủ trả vốn, lãi thì Ngân hàng có quyền tiếp tục xử lý các T sản khác để đảm bảo khoản vay.

- Chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Phú T, bà Đinh Thị L, anh Phạm Phú T, anh Phạm Phú H và chị Trương Mỹ Hi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Khi nộp đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP B – chi nhánh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cung cấp Hợp đồng tín dụng số HDTD 93020180449 và khế ước nhận nợ số 93020180449/01 ngày 12/7/2018 giữa ông T, bà L với Ngân hàng thì số vốn vay là 400.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà L và những người có liên quan không phản đối những tình tiết, sự kiện này. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện theo số liệu cập nhật trên hệ thống tự động đối trừ khi chuyển nhóm T khoản từ nhóm 2 sang nhóm 3 nên yêu cầu trả số tiền vốn là 399.999.987 đồng.

Xét thấy việc Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận đối với yêu cầu này là phù hợp.

[4] Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ có nội dung thỏa thuận phù hợp với các điều 288, 299, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng. Quá trình thực hiện, ông T, bà L trả lãi cho Ngân hàng đến ngày 12/7/2019 sau đó thì không tiếp tục thực hiện là vi phạm nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả số tiền vốn 399.999.987 đồng và tiền lãi đến ngày 25/11/2019 là 27.341.779 đồng (tổng cộng là 427.341.766 đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Ngân hàng yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Xét yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với nội dung “...*kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*” quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng về phát mãi T sản thế chấp để thu hồi nợ, thấy rằng:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 16914-CM/HĐTC-LienVietPostBank ngày 11/7/2014 thì T sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số C 149902 tại ấp Tân Trung, xã Tân Duyệt và các T sản gắn liền với quyền sử dụng đất thế chấp do ông T, bà L đầu tư, tạo lập có trước và trong khi thế chấp cũng thuộc T sản thế chấp.

Tại biên bản xem xét tại chỗ ngày ngày 04/10/2019 thể hiện: T sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất 0425, 0426, diện tích 24.000m² do ông T, bà L sử dụng cùng với anh Phạm Phú T, anh Phạm Phú H và chị Trương Mỹ Hi. Tại thời điểm thế chấp ông T, bà L có 01 chòi vuông nhưng đến thời điểm này ông T, bà L đang xây dựng 01 căn nhà (chưa hoàn thiện) có kích thước 04m x 15m, kết cấu đà, cột bê tông, mái lợp tôn bro xi măng, tường xây gạch.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng, khi ông T, bà L không thanh toán hết nợ hoặc không thanh toán đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi T sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên chấp nhận đối với yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp.

[6] Lệ phí xem xét tại chỗ: Đại diện Ngân hàng tự nguyện chịu số tiền đã thanh toán là 500.000 đồng.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của Đại diện Ngân hàng yêu cầu ông T, bà L trả số tiền vốn, lãi, xử lý T sản thế chấp và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay, đề nghị này có cơ sở được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T, bà L qua các chứng cứ thể hiện là người cao tuổi nhưng không có đơn

xin miễn án phí và T liệu, chứng cứ kèm theo nên phải chịu số tiền là 21.093.670 đồng (20.000.000 đồng + 27.341.766 x 4%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 299, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt.

- Buộc ông Phạm Phú T và bà Đinh Thị L trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi đến ngày 25/11/2019 tổng cộng là 427.341.766 đồng (bốn trăm hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó, vốn 399.999.987 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 27.341.779 đồng.

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 21/11/2019, thì kể từ ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trong trường hợp ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi xử lý T sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các T sản trên đất do ông T, bà L đang quản lý, sử dụng cùng với anh Phạm Phú T, anh Phạm Phú H và chị Trương Mỹ Hi theo Giấy chứng nhận số C 149902 cấp ngày 10/5/1994 tại ấp Tân Trung, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi T sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T, bà L tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong khoản nợ.

2. Lệ phí xem xét tại chỗ: Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cà Mau phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đối chiếu thanh toán xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T và bà L phải chịu 21.093.670 đồng (hai mươi một triệu không trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) (chưa nộp).

- Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cà Mau không phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng là 10.166.000 đồng (mười triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009834 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Càn